

BÁO CÁO THÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

Thời gian báo cáo: Từ ngày 01/11/2018 đến 01/11/2018

Đơn vị: BVĐK Hạnh Phúc - An Giang

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 05/12/2018)

I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

STT	Thông tin	Số lượng	Tị lệ		
1	Tổng số mẫu	19			
2	Giới tính				
	Nam	10			
	Nữ	9			
	Nam/Nữ	1.	11		
3	Phương pháp sinh				
	Sinh mổ	9	47%		
	Sinh thường	10	53%		
	N/A	0	00%		
4	Tuổi mẹ khi sinh (Chi tiết tại Trang 2)				
	Dưới 18 tuổi	0	00%		
	Từ 18 đến 35 tuổi	17	89%		
	Trên 35 tuổi	2	11%		
5	Sinh con thứ 3 trở lên (Dựa vào Para)				
	Sinh con thứ 3	0	00%		
	Sinh con thứ 4	0	00%		
	Sinh con thứ 5 trở lên	0	00%		
6	Cân nặng trẻ (g)				
	< 2500	0	00%		
	2500 ≤ X < 3000	6	32%		
	3000 ≤ X < 3500	6	32%		
	3500 ≤ X < 4000	6	32%		
	4000 ≤ X < 5000	1	05%		
	≥ 5000	0	00%		
7	Gói xét nghiệm		<u> </u>		
	2 bệnh	0	00%		
	3 bệnh	19	100%		
	5 bệnh	0	00%		
	2 bệnh + Hemo	0	00%		
	3 bệnh + Hemo	0	00%		
	5 bệnh + Hemo	0	00%		
8	Chương trình sàng lọc		. <u>.</u>		
	Quốc gia	0	00%		
	Xã hội hóa	19	100%		
	Demo	0	00%		



BÁO CÁO THÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

Thời gian báo cáo: Từ ngày 01/11/2018 đến 01/11/2018

Đơn vị: BVĐK Hạnh Phúc - An Giang

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 05/12/2018)

I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

	I - CAC CHI TIEU CO BAN								
STT	Thông tin	Nguy cơ thấp L1 (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ cao L2 (Mẫu thu lần 1)	Tổng (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ thấp L2 (Mẫu thu lần 2)	Nguy cơ cao L2 (Mẫu thu lần 2)	Tổng (Mẫu thu lần 2)		
1	Cân nặng trẻ (g)	18	1	19	0	1	1		
	< 2500	0	0	0	0	0	0		
	$2500 \le X < 3000$	6	0	6	0	0	0		
	$3000 \le X < 3500$	5	1	6	0	1	1		
	$3500 \le X < 4000$	6	0	6	0	0	0		
	4000 ≤ X < 4500	1	0	1	0	0	0		
	4500 ≤ X < 5000	0	0	0	0	0	0		
	≥ 5000	0	0	0	0	0	0		
2	Tuổi mẹ	18	1	19	0	1	1		
	13	0	0	0	0	0	0		
	14	0	0	0	0	0	0		
	15	0	0	0	0	0	0		
	16	0	0	0	0	0	0		
	17	0	0	0	0	0	0		
	18 ≤ X < 20	1	0	1	0	0	0		
	20 ≤ X < 25	2	0	2	0	0	0		
	25 ≤ X < 30	10	1	11	0	1	1		
	30 ≤ X <35	3	0	3	0	0	0		
	35 ≤ X < 40	1	0	1	0	0	0		
	40 ≤ X<45	1	0	1	0	0	0		
	≥45	0	0	0	0	0	0		
3	Dân tộc	18	1	19	0	1	1		
	Kinh	18	1	19	0	1	1		
	Khác	0	0	0	0	0	0		
	Ba na	0	0	0	0	0	0		
	Bố y	0	0	0	0	0	0		
	Brâu	0	0	0	0	0	0		
	Cao Lan	0	0	0	0	0	0		
	Chăm	0	0	0	0	0	0		
	Chơ ro	0	0	0	0	0	0		
	Chu ru	0	0	0	0	0	0		
	Chứt	0	0	0	0	0	0		
	Cill	0	0	0	0	0	0		
	Со	0	0	0	0	0	0		
		• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •		.	L	•	Trang 2		

	Со ho	0	0	0	0	0	0
	Cờ lao		0	0	0	0	0
	Cống		0	0	0	0	0
	Dao		0	0	0	0	0
į	Ê đê	;	0	0	0	0	0
į	Gia rai	;	0	0	0	0	0
į	Giấy		0	0	0	0	0
	Gié triêng		0	0	0	0	0
	H mông		0	0	0	0	0
	H rê		0	0	0	0	0
	Hà nhì	0	0	0	0	0	0
	Ноа	0	0	0	0	0	0
	K tu	0	0	0	0	0	0
	Kháng	0	0	0	0	0	0
	Khơ me	0	0	0	0	0	0
	Khơ mú	0	0	0	0	0	0
	La chí	0	0	0	0	0	0
	La ha	0	0	0	0	0	0
	La hù	0	0	0	0	0	0
	Lào	0	0	0	0	0	0
	Lô lô	0	0	0	0	0	0
	Lự	0	0	0	0	0	0
	M nông	0	0	0	0	0	0
	Mạ	0	0	0	0	0	0
	Mång	0	0	0	0	0	0
	Mường	0	0	0	0	0	0
	Ngái	0	0	0	0	0	0
	Nùng	0	0	0	0	0	0
	O' đu	0	0	0	0	0	0
	Pà thẻn	0	0	0	0	0	0
	Phù lá	0	0	0	0	0	0
	Pu péo	0	0	0	0	0	0
	Rag lai	0	0	0	0	0	0
	Rơ man	0	0	0	0	0	0
	Sán chay		0	0	0	0	0
	Sán dìu		0	0	0	0	0
	Si la		0	0	0	0	0
	Tà ôi		0	0	0	0	0
	Tày		0	0	0	0	0
	Thái		0	0	0	0	0
	Thổ		0	0	0	0	0
	Vân kiều		0	0	0	0	0
	X tiêng	0	0	0	0	0	0 Trang 3
							Traing 3

Xinh mun	0	0	0	0	0	0
Xo đăng		0	0	0	0	0